

Bản án số: 680/2017/HSPT  
Ngày: 26/12/2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Hồng Sơn

- *Các Thẩm phán:*

1. Ông Phan Thanh Nguyên

2. Bà Nguyễn Thị Hà

*Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Trung Hiếu - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 614/2017/HSPT ngày 30/10/2017 đối với bị cáo Nguyễn Cao Hạnh D do có kháng cáo của bị cáo D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2017/HSST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

**Nguyễn Cao Hạnh D;** giới tính: Nữ; sinh năm: 1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: A1 đường LBT, Phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: A1 đường LBT, Phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Mạnh C và bà Cao Thị Thu T; Tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trần Thị Hồng V - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Hình C, Lê Thị Diễm T1, Nguyễn Lê Trọng N, Cao Thị Thu T, Nguyễn Thị L, Trần M đều không liên quan đến việc kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Cao Hạnh D nên Hội đồng xét xử không triệu tập tại phiên tòa phúc thẩm.

**NHẬN THẤY**

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 15 phút ngày 16/3/2016, Công an Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra hành chính nơi ở của vợ chồng Nguyễn Trần V, Nguyễn Cao Hạnh D tại nhà số A2 đường PVC, Phường B2, Quận C2 thì phát hiện Nguyễn Trần V, Dương Hình C, Lê Thị Diễm T1 đang sử dụng ma túy và đã thu giữ tại chỗ một số dụng cụ dùng để sử dụng ma túy gồm: 01 bình thủy tinh (cao 9,5cm, đường kính 3,5cm), 68 cây nỏ bằng thủy tinh; 01 lọ thủy tinh bên trong có những viên sỏi màu; 01 hộp quẹt bằng kim loại màu vàng có chữ Jobon; 01 hộp quẹt gas bằng nhựa màu xanh lá cây; 01 cây kéo bằng kim loại dài 15cm; 01 bình gas mini vỏ màu đen hiệu Blue Sky; 01 bịch nylon bên trong có chứa nhiều ống hút nhựa; 03 bịch nylon bên trong có nhiều bịch nylon nhỏ; 01 cân tiểu ly màu đen hiệu Pocket Scale; thu giữ trong phòng ngủ của V và D 11 bịch nylon bên trong có chứa tinh thể không màu, 01 lọ thủy tinh có nắp kim loại màu vàng bên trong có chứa tinh thể không màu; thu giữ trong người của D 01 bịch nylon bên trong có chứa tinh thể không màu và 01 chiếc điện thoại di động hiệu HTC vỏ màu bạc (số thuê bao 0933776xxx); thu giữ trong người của V 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 4 vỏ màu đen (số thuê bao 01203765248), 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia vỏ màu xanh (số thuê bao 01289903713) và số tiền 200.000 đồng; Thu giữ của Dương Hình C 01 chiếc xe gắn máy biển số 59M1-283.xx và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Viettel V6216 (sim 1: 0933907xxx, sim 2: 0866835xxx). Thu giữ của Lê Thị Diễm T1 01 chiếc xe gắn máy biển số 59F1-556.xx và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo 1201 vỏ màu xanh đen (sim 1: 0933088xxx, sim 2: 0978807xxx). Ngoài ra, Công an còn thu giữ 01 chiếc xe gắn máy biển số 51M6-70xx; 02 cây súng tự chế bằng ống nhựa (01 cây có quần bằng keo đen dài 62cm, 01 cây dài 60cm); 01 cây súng màu đen, vỏ bằng kim loại, hiệu Linda N0912, made in China (loại bắn đạn bi nhựa); 01 trái lựu đạn bằng kim loại (mô hình tập quân sự); 01 cây dùi cui cao su dài 52cm; 01 con dao tự chế bằng kim loại, cán dài 11cm, lưỡi dài 42cm, ngang 04cm; 01 cây búa đa năng bằng kim loại dài 16cm; 01 con dao tự chế cán bằng nhựa dài 18cm, lưỡi dài 07cm.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Nguyễn Trần V và Nguyễn Cao Hạnh D khai: Do nghiện ma túy, nên để có tiền tiêu xài và ma túy sử dụng, V và D đã mua bán ma túy tổng hợp (ma túy đá) và tổ chức cho người nghiện sử dụng ma túy tại nhà số A2 đường PVC, Phường B2, Quận C2 (nơi V và D đang ở). Đối với số ma túy bị thu giữ, V mua của một người phụ nữ tên L1 (không rõ lai lịch) ở khu vực chợ Phạm Thế Hiển, Quận 8 đem về cất giấu trong phòng ngủ của vợ chồng V. Khoảng 21 giờ ngày 15/3/2016, Dương Hình C và Lê Thị Diễm T1 đến nhà V mua ma túy sử dụng. Sau khi nhận 200.000 đồng tiền mua

ma túy từ C, D đưa lại cho V cất giữ, còn T1 do chưa có tiền nên chưa trả. Sau đó, D lấy ma túy đá bỏ vào nỏ thủy tinh để V, C, T1 sử dụng đến 00 giờ 15 phút ngày 16/3/2016 thì bị Công an phát hiện bắt giữ như đã nêu trên.

Ngoài ra, V và D còn khai trước đó cũng tại nhà số 579/43/5 đường Phạm Văn Chí, cả hai đã bán và tổ chức cho Lê Thị Diễm T1 sử dụng ma túy 03 lần và Diễm thu của T1 500.000 đồng; bán và tổ chức cho Dương Hình C sử dụng ma túy khoảng 5, 6 lần, mỗi lần C trả cho D là 200.000 đồng; bán và tổ chức cho Nguyễn Lê Trọng N sử dụng ma túy khoảng từ 06 đến 08 lần, mỗi lần N trả cho V từ 100.000 đồng đến 150.000 đồng. Đối với 02 khẩu súng tự chế, 01 khẩu súng bắn đạn bi, 01 quả đạn mô hình, 01 dùi cui cao su và một số hung khí mà Công an thu giữ là của N gửi ở nhà V.

Qua điều tra, Dương Hình C khai ngoài lần bị bắt, trước đó C đến nhà Nguyễn Trần V sử dụng ma túy đá tổng cộng 05 lần và mỗi lần sau khi sử dụng xong, C trả cho Nguyễn Cao Hạnh D 200.000 đồng.

Lê Thị Diễm T1 khai: T1 là người giúp việc nhà cho vợ chồng Nguyễn Trần V và Nguyễn Cao Hạnh D. Trong thời gian giúp việc nhà từ ngày 24/02/2016 đến ngày bị bắt, T1 đã nhiều lần sử dụng ma túy đá cùng với V và tổng số tiền mà T1 sử dụng ma túy tại nhà V là 1.500.000 đồng, nhưng do chưa có tiền nên T1 mới trả cho D 500.000 đồng.

Nguyễn Lê Trọng N khai đã nhiều lần đến nhà Nguyễn Trần V sử dụng ma túy đá và mỗi lần sử dụng N trả cho V từ 100.000 đồng đến 150.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 680/KLGD-H ngày 13 tháng 5 năm 2016 và tại Văn bản số: 313/PC54-D9 ngày 18 tháng 10 năm 2016, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 12 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Cao Hạnh D và hình dấu Công an Phường 7, Quận 6 gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,1800g (hai phẩy một tám không không gram), loại Methamphetamine (MA).

- Gói 2: Tinh thể không màu trong 01 lọ thủy tinh có nắp kim loại màu vàng được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Cao Hạnh D và hình dấu Công an Phường 7, Quận 6 gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,9306g (hai phẩy chín ba không sáu gram), loại Methamphetamine (MA).

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2017/HSST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trần V, Nguyễn Cao Hạnh D phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 197; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 50 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần V (T) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2016.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 197; điểm l, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 50 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao Hạnh D 02 (hai) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 16/3/2016 đến ngày 21/10/2016.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về việc xử lý vật chứng, áp dụng nộp phạt bổ sung, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2017 bị cáo Nguyễn Cao Hạnh D kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, trường hợp Tòa phúc thẩm vẫn giữ nguyên tội danh thì giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Nguyễn Trần V không kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Cao Hạnh D thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, trường hợp Tòa phúc thẩm vẫn giữ nguyên tội danh thì giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội và mức án phù hợp với tính chất cũng như mức độ của hậu quả đã xảy ra. Từ đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và y án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Luật sư thống nhất với bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo D đối với tội danh và mức án 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, luật sư không thống nhất với tội danh “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” vì hành vi của bị cáo là chưa cấu thành tội phạm, cụ thể là: Cả D và V đều là các đối tượng nghiện ma túy, sống chung như vợ chồng tại nhà của mẹ D; Dụng cụ sử dụng ma túy là dụng cụ do V và D có

sẵn để sử dụng cho bản thân; Khi T1 cùng các đối tượng nghiện ma túy khác đến nhà để sử dụng thì tất cả đều dùng chung cái nỏ và xoay tua châm lửa cho nhau chứ không phải do D đứng ra kêu gọi người nghiện đến nhà để tổ chức sử dụng ma túy. Hành vi của D không thuộc các hành vi mà Thông tư liên tịch số 17 ngày 24/12/2007 đã xác định như: chỉ huy, điều hành, phân công... việc đưa ma túy vào trong cơ thể người khác. Ngoài ra, thực tiễn xét xử một số vụ án hình sự cũng đã cho thấy việc áp dụng luật theo hướng bị cáo chỉ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên y án đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tuyên bị cáo không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đôi đáp với phần tranh luận của luật sư bào chữa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định do bị cáo thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong nhiều lần, bị cáo thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm giúp sức, trong vụ án này nếu bị cáo điều hành, phân công việc tổ chức sử dụng thì bị cáo đã bị truy tố ở vai trò chủ mưu và xúi giục, từ đó đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm kết luận vụ án như đã trình bày trên đây.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa và của bị cáo.

### **XÉT THẤY**

Ngày 20/9/2017 Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm, đến ngày 22/9/2017 bị cáo Nguyễn Cao Hạnh D kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, trường hợp Tòa phúc thẩm vẫn giữ nguyên tội danh thì giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy đơn kháng cáo làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cũng như luật sư bào chữa giữ nguyên yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, trường hợp Tòa phúc thẩm vẫn giữ nguyên tội danh thì giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét đơn kháng cáo của bị cáo:

Căn cứ vào các lời khai của bị cáo Nguyễn Cao Hạnh D cũng như của bị cáo Nguyễn Trần V là đồng phạm với bị cáo D trong vụ án, của người liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo Nguyễn Trần V, Nguyễn Cao Hạnh D đã mua chất ma túy ở thể rắn (loại Methamphetamine) và sử dụng căn nhà thuộc quyền quản lý của bị cáo V tại số A2 đường PVC, Phường B2, Quận C2 để tổ chức cho Lê Thị Diễm T1, Dương Hình C, Nguyễn Lê Trọng N sử dụng trái phép chất ma túy nhằm mục đích thu lợi. Trong đó, bị cáo Nguyễn Trần V là người trực tiếp đi mua ma túy, chuẩn bị

địa điểm, chuẩn bị công cụ, phương tiện dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy, cung cấp trái phép chất ma túy cho T1, C, N sử dụng. Bị cáo Nguyễn Cao Hạnh D là đồng phạm giữ vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo Nguyễn Trần V trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy như thu tiền của đối tượng nghiện và sau khi thu tiền thì bị cáo D đã chuẩn bị ma túy vào trong nỏ thủy tinh để cho các đối tượng nghiện sử dụng (đưa trái phép chất ma túy vào người). Các bị cáo đã tổ chức cho Lê Thị Diễm T1, Dương Hình C, Nguyễn Lê Trọng N sử dụng ma túy nhiều lần trong khoảng thời gian tương đối dài, rồi thu tiền và lợi ích vật chất khác. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố và sau đó Tòa án nhân dân Quận 6 đã xét xử các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thuộc các trường hợp “Phạm tội nhiều lần” và “Phạm tội đối với nhiều người” theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 197 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng người, đúng tội và đúng với tính chất hành vi của các bị cáo. Nên không có cơ sở để xem xét lại tội danh như kháng cáo của bị cáo, cũng như lời trình bày của luật sư tại phiên tòa.

Ngoài hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, khi bắt giữ và khám xét nhà của các bị cáo Nguyễn Trần V, Nguyễn Cao Hạnh D thì Cơ quan Công an còn phát hiện và thu giữ của các bị cáo 5,1106 gram ma túy ở thể rắn (loại Methamphetamine) và các bị cáo khai cất giấu số ma túy này nhằm đem bán để thu lợi, nhưng chưa bán cho được cho ai. Do đó Tòa án nhân dân Quận 6 đã tuyên bố các bị cáo phạm thêm tội danh “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng người, đúng tội.

Về việc áp dụng hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo D quy định tại điểm l, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đó là bị cáo D có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, bản thân bị cáo phạm tội khi đang mang thai và bị cáo D có cha đẻ ông Nguyễn Mạnh C là thương binh loại A-21% (hạng 4/4), được Hội đồng Nhà nước Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba, nên căn cứ theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14, về việc áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thì Hội đồng xét xử xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 nêu trên được tính tương đương với quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, người có công với cách mạng), để giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Sau khi cân nhắc tính chất là mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức án đã tổng hợp cho cả hai tội là 09 năm tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo D là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết nào mới để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và cần giữ nguyên mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa; do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cũng như không chấp nhận đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo đã trình bày tại phiên tòa.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ vào Điều 241; điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Cao Hạnh D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Cao Hạnh D phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 197; điểm l, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 50 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao Hạnh D 02 (hai) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 07 (bảy) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 16/3/2016 đến ngày 21/10/2016.

- Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí tòa án;

Bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là: 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận 6; (1)
- P.PC 53 – CA Tp.HCM; (1)
- Cục THADS Tp.HCM; (1)
- Chi cục THA Quận 6; (1)
- Bị cáo; (1)
- TAND Quận 6; (2)
- Công an Quận 6; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (20) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồng Sơn**